

Bản án số: 19/2019/KDTM-ST

Ngày: 25/11/2019

Về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hà

2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 67/2019/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P**; Địa chỉ: Số 74 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; Địa chỉ: K408 H01/01 đường V, quận C, thành phố Đà Nẵng; Bà Hồ Thị Hương S sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số 85 đường Y, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 05/UQ/PD-2019 ngày 05/9/2019 của Chủ doanh nghiệp tư nhân P). Ông L có mặt, bà S vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C; Địa chỉ trụ sở: Số 83-85 đường T, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2019, bản tự khai ngày 06/9/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân P(bên B) (gọi tắt là Doanh nghiệp P) và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C (bên A) (gọi tắt là Công ty C) có ký kết hợp đồng

kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC ngày 01/11/2018. Doanh nghiệp P đồng ý cung cấp vật liệu xây dựng với số lượng và đơn giá theo thỏa thuận theo từng công trình cho Công ty C. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận hình thức thanh toán: “Vào ngày 15 và ngày 30 hoặc 31 hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu công nợ theo số lượng thực tế giao nhận. Căn cứ vào công nợ đã đối chiếu, bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A. Bên A thanh toán 100% tiền hàng cho bên B trước khi đến hạn đối chiếu công nợ tiếp theo. Nếu bên A không thực hiện đúng điều khoản thanh toán nêu trên thì bên B ngưng cung cấp hàng và bên A chịu phạt chậm trả theo lãi suất ngân hàng áp dụng tại thời điểm vi phạm. Nếu thời gian chậm trả quá 60 ngày thì ngoài việc phạt lãi suất chậm trả nêu trên, bên A còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo lãi suất 0,05%/ngày cho tổng giá trị trả chậm”.

Thực hiện hợp đồng, Doanh nghiệp P đã xuất bán vật liệu xây dựng cho Công ty C theo đúng các nội dung hợp đồng và xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/01/2019 thì tính đến ngày 15/01/2019, Công ty C còn nợ Doanh nghiệp P số tiền hàng chưa thanh toán là 291.665.000đ (hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm, sáu mươi lăm nghìn đồng). Mặc dù, Doanh nghiệp P đã có văn bản, điện thoại nhiều lần yêu cầu Công ty C phải thanh toán số tiền chưa thanh toán nhưng Công ty C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Doanh nghiệp tư nhân P yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là **347.810.512đ** (ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn, năm trăm mười hai đồng), trong đó: tiền hàng còn nợ chưa thanh toán là 291.665.000 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 23.333.200 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán là 32.812.312 đồng (lãi suất chậm thanh toán là 1,125%/tháng, lãi tính từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/11/2019, làm tròn là 10 tháng).

* Về phía bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 24, 50, 300, 301 và Điều 306 của Luật thương mại; khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân P đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC ngày 01/11/2018, giữa Doanh nghiệp P với Công ty C. Các

bên có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế mà các bên đã ký kết. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng các Điều 24, 50, 301 và 306 của Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P khởi kiện Công ty C có địa chỉ tại số 83-85 đường T, tổ 67, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tại biên bản xác minh ngày 04/9/2019 của Tòa án thể hiện tại địa chỉ số 83-85 đường T, tổ 67, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không có Công ty nào là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C đặt trụ sở kinh doanh, hoạt động nhưng tại Công văn số 215/CV-ĐKKD ngày 29/8/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng thể hiện Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C có địa chỉ trụ sở chính tại số 83-85 đường T, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và doanh nghiệp đang hoạt động. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đại diện của bị đơn là Công ty C vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn là Công ty C.

[4] *Về nội dung*: Ngày 01/11/2018, giữa Doanh nghiệp P do ông Nguyễn V làm chủ có ký hợp đồng kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC với Công ty C. Theo đó, Doanh nghiệp P đồng ý cung cấp vật liệu xây dựng với số lượng và đơn giá theo thỏa thuận theo từng công trình cho Công ty C. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/01/2019, hai bên thống nhất số tiền bên mua (Công ty C) còn nợ tính đến ngày 15/01/2019 là 291.665.000đ (*hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), bên bán đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định. Theo đại diện nguyên đơn trình bày, nguyên đơn đã gửi văn bản, liên lạc qua điện thoại yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng mà các bên đã ký kết nhưng phía bị đơn không có thiện chí trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân Pdo ông Nguyễn V làm chủ với số tiền là **347.810.512đ** (*ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn, năm trăm mười hai đồng*), trong đó: tiền hàng còn nợ chưa thanh toán là 291.665.000 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 23.333.200 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn là 32.812.312 đồng (*lãi tính từ ngày 16/01/2019 đến ngày 25/11/2019, làm tròn là 10 tháng, với mức lãi suất 1,125%/tháng*).

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy*:

Giao dịch mua bán hàng hóa theo Hợp đồng kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC ngày 01/11/2018, giữa Doanh nghiệp P với Công ty C là giao dịch hợp pháp, tự nguyện, mục đích và nội dung không trái quy định của pháp luật. Do bị đơn là Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc bị đơn phải thanh toán cho

nguyên đơn số tiền mua hàng chưa thanh toán 291.665.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại.

[5] *Đối với yêu cầu tính lãi*: Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất nợ quá hạn là 1,125%/tháng (*lãi suất cơ bản là $9\% \times 150\% = 13,5\%$*); cụ thể: 291.665.000 đồng $\times$ 1,125%/tháng $\times$ 10 tháng (*từ ngày 16/01/2019 đến ngày 25/11/2019, làm tròn là 10 tháng*) = 32.812.312 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy, theo khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC ngày 01/11/2018 các bên có thỏa thuận: “*Nếu bên A không thực hiện đúng điều khoản thanh toán trên thì bên B ngưng cung cấp hàng và bên A phải chịu phạt chậm trả theo lãi suất ngân hàng áp dụng tại thời điểm vi phạm*”. Do bị đơn là Công ty C chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ mua hàng là có căn cứ, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán và phù hợp với Điều 306 của Luật thương mại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Đối với yêu cầu phạt vi phạm*: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng đối với số tiền chậm thanh toán với mức phạt là 8%; cụ thể là 291.665.000 đồng $\times$ 8% = 23.333.200 đồng. Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn thì thấy, theo khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 0111/HĐKT/PD-TC ngày 01/11/2018 các bên có thỏa thuận: “*...bên A còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo lãi suất 0,05%/ngày cho tổng giá trị trả chậm*” Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 8%/giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là phù hợp với Điều 301 của Luật Thương mại nên cần chấp nhận.

Do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền **347.810.512đ** (*ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn, năm trăm mười hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 291.665.000 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 23.333.200 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn là 32.812.312 đồng,

[7] Bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C không có văn bản, ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có cơ sở để xem xét.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C phải chịu theo quy định của pháp luật là: 347.810.512 đồng $\times$ 5% = 17.390.525 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 24, 50, 301 và 306 của Luật thương mại;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P do ông Nguyễn V làm chủ với số tiền là **347.810.512đ** (*ba trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười nghìn, năm trăm mười hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 291.665.000 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 23.333.200 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán là 32.812.312 đồng (*lãi tính đến ngày 25/11/2019*).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp C phải chịu là 17.390.525đ (*mười bảy triệu, ba trăm chín mươi nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn V – Chủ doanh nghiệp tư nhân P số tiền tạm ứng án phí là 8.285.000đ (*tám triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0005046 ngày 21/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (*hoặc niêm yết*) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện